

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 12 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Công Trường

Bà Lê Trường An

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Việt Xô là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 427/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Võ Thị B, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Khóm 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh C (Có mặt).

*Bị đơn:* Anh Huỳnh Tài L, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh C (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị B trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị B và anh Huỳnh Tài L chung sống với nhau vào năm 2019, không có đăng ký kết hôn. Do tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không mang lại kết quả; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 âm lịch đến nay. Do không còn tình cảm với anh L nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Huỳnh Kim Y, sinh ngày 09/11/2020, hiện đang sống với chị B. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, bị đơn anh Huỳnh Tài L trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của chị Võ Thị B về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Anh L xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị B thường xuyên vắng nhà, không rõ đi đâu, không chăm sóc con chu đáo.

Trước các yêu cầu của chị B về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, anh L đồng ý, không có ý kiến gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Võ Thị B và anh Huỳnh Tài L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh L.

[2] Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Huỳnh Kim Y, sinh ngày 09/11/2020, hiện đang sống với chị B. Hiện nay cháu Y dưới 36 tháng tuổi và anh L thống nhất giao cháu Yén cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, giao cháu Yén cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Yén mà không ai được cản trở; anh L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Y được sống chung với chị B là phù hợp với các Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B xác định có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng cháu Yén, không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, không buộc anh L cấp dưỡng nuôi cháu Y.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh L thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị B.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị B và anh Huỳnh Tài L.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Kim Y, sinh ngày 09/11/2020 cho chị Võ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Huỳnh Tài L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Kim Yển mà không ai được cản trở.

Anh Huỳnh Tài L không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

1. Án phí: Chị Võ Thị B phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị B đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004118 ngày 02/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ, chuyển thu.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

2. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Võ Thị B và bị đơn anh Huỳnh Tài L có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Lê Thị Hồng Hà**